

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 11 - 2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy

2. Ông Lê Thuận Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 13/11/2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 07/7/2019, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn A tổ chức đám cưới ngày 23/9/2017, đến ngày 28/9/2018 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L trên tinh thần tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 28/9/2018 của UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã; anh A tính tình nóng nảy, không công khai về kinh tế. Vào năm 2018 chị B đã đến Tòa án để làm thủ tục nộp đơn xin ly hôn anh A nhưng vì thương con còn nhỏ nên chị chưa nộp. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Chị B trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Tấn P, sinh ngày 20/3/2018. Vì con đang còn nhỏ và thường xuyên đau ốm nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2019, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn giống như chị B trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, anh làm ăn ở xa nhưng đều sắp xếp công việc mỗi tháng về thăm vợ, con một lần; anh A vẫn còn tình cảm với chị B và thương con còn nhỏ nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị B trình bày, nếu ly hôn anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Phạm Tấn P, sinh ngày 20/3/2018 và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; nếu giao con cho chị B nuôi dưỡng, anh A không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 24/10/2019, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Trước khi kết hôn, hai người đã có thời gian chung sống bên nhau và có 01 con chung, sau khi kết hôn vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Lẽ ra anh, chị phải tiếp tục thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng hôn nhân bền vững. Tuy nhiên, hai bên thiếu sự tôn trọng, quan tâm và không tin tưởng lẫn nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị B kiên quyết xin được ly hôn anh A; mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian để anh A hàn gắn tình cảm với chị B nhưng không có kết quả; anh A không có biện pháp, giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị B. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B với anh A không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, cần thiết cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn A là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị B và anh A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phạm Tấn P, sinh ngày 20/3/2018 chứng tỏ cả anh và chị đều rất thương yêu con chung; nếu giao con cho chị B, chị B yêu cầu anh

A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu; nếu giao con cho anh A, anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; nếu giao con cho chị B nuôi dưỡng, anh A sẽ không cấp dưỡng nuôi con cùng chị B. Hội đồng xét xử thấy rằng anh A làm công nhân và buôn bán, thu nhập bình quân theo anh A trình bày mỗi tháng 25 triệu đồng, hiện tại cháu Nguyễn Phạm Tấn P chưa tròn 02 tuổi, nếu giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo vì cháu còn quá nhỏ. Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Phạm Tấn P, sinh ngày 20/3/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cho anh A gián tiếp nuôi dưỡng cháu P bằng việc cấp dưỡng nuôi con cùng chị B mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thời gian kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Phạm Tấn P đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị B và anh A thỏa thuận tự phân chia, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2/ Về quan hệ con cái: Giao cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Tấn P, sinh ngày 20/3/2018; giao cho anh Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phạm Tấn P mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thời gian kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Phạm Tấn P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0005796 ngày 08 tháng 7 năm 2019; anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/11/2019) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn